

PHÚ-TOÀN GIA HƯNG THỊNH

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam; Giấy phép: 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp;
Vốn điều lệ: 75 triệu đô-la Mỹ;
Trụ sở chính: Tầng 25, TTTM Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TPHCM;
Điện thoại: (08) 39100999; Hotline: 1800 1 247; Fax: (08) 39100899;
Website: <http://www.prudential.com.vn>

THÔNG TIN TƯ VẤN VIÊN

Họ và tên: PHẠM THỊ HIẾU
Mã số: 60000001
Điện thoại: 0120151009
Địa chỉ liên hệ: Newwwwww

PHÚ-TOÀN GIA HƯNG THỊNH - giải pháp kết hợp tiết kiệm và bảo vệ hiệu quả với đặc tính linh hoạt và nhiều quyền lợi nổi bật, mang đến cho bạn và gia đình sự an tâm, chủ động trong việc hoạch định và thực hiện những kế hoạch trong tương lai.

Tiết kiệm an toàn, hiệu quả

- Hưởng lãi suất thực tế từ Quỹ liên kết chung.
- An toàn trước mọi biến động của thị trường.
- Gia tăng quyền lợi tiết kiệm với các khoản thưởng hấp dẫn.

Bảo vệ an toàn tài chính

- Bảo vệ trước rủi ro Tử vong/ Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn với phí bảo hiểm hợp lý.
- Miễn thâm định sức khỏe khi tăng số tiền Bảo hiểm (STBH) khi xảy ra 1 trong các sự kiện làm tăng trách nhiệm tài chính.
- Tạm ứng không tính lãi khi mắc bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối.
- Bảo vệ cả gia đình trong cùng 1 hợp đồng khi tham gia thêm các sản phẩm gia tăng bảo vệ đa dạng.

Thực hiện linh hoạt nhiều mục tiêu

- Chủ động và linh hoạt trong quản lý hợp đồng để đáp ứng nhu cầu bảo vệ và tiết kiệm trong từng giai đoạn khác nhau của cuộc sống.
- Tích lũy thêm.
- Linh hoạt rút tiền thực hiện các kế hoạch.
- Đóng phí theo khả năng tài chính.
- Tăng/ giảm STBH khi nhu cầu bảo vệ thay đổi.
- Chọn thời điểm kết thúc hợp đồng theo nhu cầu trong tương lai.

PHÚ-TOÀN GIA HƯNG THỊNH - *Sáng tạo mọi điều bạn thích, kể cả tương lai*



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm:

NGUYỄN VĂN A
NGUYỄN VĂN A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

470084002002304
PHẠM THỊ HIẾU

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.2 -VLR3
23/09/2016 09:42:24

**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PHÚ-TOÀN GIA HƯNG THỊNH**

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Nhóm nghề nghiệp	CMND/Hộ chiếu/ Khai sinh số
Bên mua bảo hiểm:	NGUYỄN VĂN A				
Người được bảo hiểm chính (NDBH chính):	NGUYỄN VĂN A	Nam	35	2	
Địa chỉ liên hệ:					

Đơn vị tính: đồng

THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM	Người được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng (năm)	Thời hạn đóng phí dự kiến (năm)	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm hàng năm
Sản phẩm chính					
Phú-Toàn Gia Hưng Thịnh (Lựa chọn ưu tiên tiết kiệm)	NGUYỄN VĂN A	40	40	500.000.000	9.485.000

Phí bảo hiểm của sản phẩm chính	9.485.000
Phí bảo hiểm tích lũy thêm đầu tiên	-

	Năm	Nửa năm	Quý
Phí bảo hiểm định kỳ:	9.485.000	4.742.500	2.371.300
Phí bảo hiểm định kỳ dự kiến:	9.485.000	4.742.500	2.371.300
Phương thức đóng phí bảo hiểm: Tiền mặt			



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm:

NGUYỄN VĂN A
NGUYỄN VĂN A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

470084002002304
PHẠM THỊ HIẾU

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.2 -VLR3
23/09/2016 09:42:24

GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ VÀ CÁC CHI PHÍ LIÊN QUAN

1. Phí bảo hiểm cơ bản: khoản phí bảo hiểm của sản phẩm chính được xác định dựa trên Số tiền bảo hiểm, tuổi và giới tính của Người được bảo hiểm vào thời điểm tham gia Hợp đồng bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm phải đóng đủ Phí bảo hiểm cơ bản trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên. Phí bảo hiểm cơ bản sẽ được đầu tư vào Quỹ liên kết chung, sau khi trừ Chi phí ban đầu.

2. Phí bảo hiểm tích lũy thêm: khoản tiền Bên mua bảo hiểm đóng thêm vào Hợp đồng bảo hiểm sau khi đã đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản đến hết Năm hợp đồng hiện tại và phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ theo định kỳ (nếu có). Phí bảo hiểm tích lũy thêm sẽ được đầu tư vào Quỹ liên kết chung, sau khi trừ Chi phí ban đầu.

3. Phí bảo hiểm định kỳ: tổng phí bảo hiểm Bên mua bảo hiểm phải đóng theo định kỳ, bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản và phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ (nếu có).

4. Phí bảo hiểm định kỳ dự kiến: tổng phí bảo hiểm Bên mua bảo hiểm dự kiến đóng theo định kỳ, bao gồm Phí bảo hiểm định kỳ và Phí bảo hiểm tích lũy thêm (nếu có).

5. Tài khoản cơ bản: số tiền được tích lũy từ khoản Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ sau khi trừ các chi phí liên quan (nếu có).

6. Tài khoản tích lũy thêm: số tiền được tích lũy từ khoản Phí bảo hiểm tích lũy thêm được phân bổ sau khi trừ các chi phí liên quan (nếu có).

7. Giá trị tài khoản hợp đồng: tổng của Tài khoản cơ bản và Tài khoản tích lũy thêm và được tính lãi hàng tháng theo mức lãi suất đầu tư do Prudential công bố tại từng thời điểm.

8. Chi phí ban đầu: khoản chi phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm tích lũy thêm (nếu có) trước khi các khoản phí này được phân bổ vào Tài khoản cơ bản và Tài khoản tích lũy thêm tương ứng như được quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6+
% của Phí bảo hiểm cơ bản	65%	35%	15%	10%	5%	3%
% của Phí bảo hiểm tích lũy thêm	3%	3%	3%	3%	3%	3%

9. Chi phí bảo hiểm rủi ro: khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng để chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết trong Hợp đồng bảo hiểm. Chi phí bảo hiểm rủi ro được xác định dựa trên giới tính, sức khỏe và nghề nghiệp của Người được bảo hiểm tại thời điểm tham gia Hợp đồng bảo hiểm và thay đổi theo tuổi của Người được bảo hiểm.

10. Chi phí quản lý hợp đồng: khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng để chi trả cho việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm. Chi phí quản lý hợp đồng hiện tại là 20.000 đồng/tháng và có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận nhưng sẽ không vượt quá 10%/năm.

11. Chi phí quản lý quỹ: khoản chi phí được khấu trừ trước khi công bố lãi suất đầu tư để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ Liên kết chung. Chi phí quản lý quỹ hiện tại là 2%/năm và có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận nhưng sẽ không vượt quá 2,5%/năm.

12. Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng: khoản chi phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng như quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6+
% của số tiền rút từ Tài khoản cơ bản	-	-	3%	3%	3%	0%
% của số tiền rút từ Tài khoản tích lũy thêm	5%	5%	3%	3%	3%	0%

13. Chi phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn: chi phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9+
% của Phí bảo hiểm cơ bản	100%	100%	100%	100%	100%	75%	50%	25%	0%
% của Tài khoản tích lũy thêm	5%	5%	3%	3%	3%	0%	0%	0%	0%



**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PHÚ-TOÀN GIA HƯNG THỊNH**

B. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm tích lũy thêm	Chi phí ban đầu	Phí bảo hiểm được phân bổ	GIÁ TRỊ ĐẢM BẢO						Thưởng duy trì hợp đồng	Rút tiền (2)
						Lãi suất cam kết 6,5%/năm cho 3 năm đầu, 4,5%/năm từ năm thứ 4 đến năm thứ 10 và 2,5%/năm cho những năm tiếp theo							
						Chi phí bảo hiểm rủi ro	Tài khoản cơ bản (1)	Tài khoản tích lũy thêm (1)	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV		
1	35	9.485	-	6.165	3.320	1.294	1.948	-	1.948	-	500.000	-	-
2	36	9.485	-	3.320	6.165	1.370	6.975	-	6.975	-	500.000	-	-
3	37	9.485	-	1.423	8.062	1.448	14.267	-	14.267	4.782	500.000	-	-
4	38	9.485	-	949	8.537	1.535	22.011	-	22.011	12.526	500.000	-	-
5	39	9.485	-	474	9.011	1.636	30.497	-	30.497	21.012	500.000	-	-
6	40	9.485	-	285	9.201	1.743	39.453	-	39.453	32.339	500.000	-	-
7	41	9.485	-	285	9.201	1.854	48.698	-	48.698	43.956	500.000	-	-
8	42	9.485	-	285	9.201	1.970	58.240	-	58.240	55.869	500.000	-	-
9	43	9.485	-	285	9.201	2.092	68.088	-	68.088	68.088	500.000	-	-
10	44	9.485	-	285	9.201	2.217	78.250	4.743	82.992	82.992	504.743	4.743	-
11	45	9.485	-	285	9.201	2.321	89.636	2.265	91.902	91.902	502.265	-	-
12	46	9.485	-	285	9.201	2.421	100.933	-	100.933	100.933	500.000	-	-
13	47	9.485	-	285	9.201	2.528	110.081	-	110.081	110.081	500.000	-	-
14	48	9.485	-	285	9.201	2.644	119.341	-	119.341	119.341	500.000	-	-
15	49	9.485	-	285	9.201	2.765	128.710	4.743	133.452	133.452	504.743	4.743	-
16	50	9.485	-	285	9.201	2.883	141.358	1.696	143.054	143.054	501.696	-	-
17	51	9.485	-	285	9.201	3.007	152.770	-	152.770	152.770	500.000	-	-
18	52	9.485	-	285	9.201	3.158	162.575	-	162.575	162.575	500.000	-	-
19	53	9.485	-	285	9.201	3.330	172.452	-	172.452	172.452	500.000	-	-
20	54	9.485	-	285	9.201	3.510	182.394	4.743	187.136	187.136	504.743	4.743	-
21	55	9.485	-	285	9.201	3.702	196.384	865	197.249	197.249	500.865	-	-
22	56	9.485	-	285	9.201	3.837	207.479	-	207.479	207.479	500.000	-	-
23	57	9.485	-	285	9.201	3.993	217.807	-	217.807	217.807	500.000	-	-
24	58	9.485	-	285	9.201	4.145	228.238	-	228.238	228.238	500.000	-	-
25	59	9.485	-	285	9.201	4.296	238.778	4.743	243.520	243.520	504.743	4.743	-
26	60	9.485	-	285	9.201	4.409	254.178	149	254.327	254.327	500.149	-	-
27	61	9.485	-	285	9.201	4.514	265.297	-	265.297	265.297	500.000	-	-
28	62	9.485	-	285	9.201	4.671	276.383	-	276.383	276.383	500.000	-	-
29	63	9.485	-	285	9.201	4.828	287.586	-	287.586	287.586	500.000	-	-
30	64	9.485	-	285	9.201	4.976	298.920	4.743	303.662	303.662	504.743	4.743	-



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm:

NGUYỄN VĂN A
NGUYỄN VĂN A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

470084002002304
PHẠM THỊ HIẾU

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.2 -VLR3
23/09/2016 09:42:24

B. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm tích lũy thêm	Chi phí ban đầu	Phí bảo hiểm được phân bổ	GIÁ TRỊ ĐAM BẢO						Thưởng duy trì hợp đồng	Rút tiền (²)
						Lãi suất cam kết 6,5%/năm cho 3 năm đầu, 4,5%/năm từ năm thứ 4 đến năm thứ 10 và 2,5%/năm cho những năm tiếp theo							
						Chi phí bảo hiểm rủi ro	Tài khoản cơ bản (¹)	Tài khoản tích lũy thêm (¹)	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV		
31	65	9.485	-	285	9.201	5.035	315.337	-	315.337	315.337	500.000	-	-
32	66	9.485	-	285	9.201	5.098	327.241	-	327.241	327.241	500.000	-	-
33	67	9.485	-	285	9.201	5.182	339.356	-	339.356	339.356	500.000	-	-
34	68	9.485	-	285	9.201	5.225	351.732	-	351.732	351.732	500.000	-	-
35	69	9.485	-	285	9.201	5.228	364.413	4.743	369.156	369.156	504.743	4.743	-
36	70	9.485	-	285	9.201	5.084	382.418	-	382.418	382.418	500.000	-	-
37	71	9.485	-	285	9.201	4.864	396.235	-	396.235	396.235	500.000	-	-
38	72	9.485	-	285	9.201	4.658	410.606	-	410.606	410.606	500.000	-	-
39	73	9.485	-	285	9.201	4.335	425.664	-	425.664	425.664	500.000	-	-
40	74	9.485	-	285	9.201	3.842	441.597	4.743	446.339	446.339	504.743	4.743	-
Tổng/ Cộng dồn		379.400	-	22.288	357.112	137.645			446.339	446.339		33.198	-

Ghi chú:

- (1) Chi phí bảo hiểm rủi ro và Chi phí quản lý hợp đồng được khấu trừ theo thứ tự từ Tài khoản tích lũy thêm (nếu có) trước, sau đó đến Tài khoản cơ bản.
- (2) Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút tiền bất kỳ lúc nào từ Năm hợp đồng thứ 1 đối với Tài khoản tích lũy thêm và từ Năm hợp đồng thứ 3 đối với Tài khoản cơ bản. (Các) khoản rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng sẽ được thực hiện theo thứ tự từ Tài khoản tích lũy thêm (nếu có) trước, sau đó đến Tài khoản cơ bản.



**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PHÚ-TOÀN GIA HƯNG THỊNH**

B. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NDBH chính	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm tích lũy thêm	Chi phí ban đầu	Phí bảo hiểm được phân bổ	GIÁ TRỊ MINH HỌA						Thưởng duy trì hợp đồng	Rút tiền (3)
						Mức lãi suất dự kiến 7%/năm (1)							
						Chi phí bảo hiểm rủi ro	Tài khoản cơ bản (2)	Tài khoản tích lũy thêm (2)	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV		
1	35	9.485	-	6.165	3.320	1.294	1.961	-	1.961	-	500.000	-	-
2	36	9.485	-	3.320	6.165	1.370	7.024	-	7.024	-	500.000	-	-
3	37	9.485	-	1.423	8.062	1.448	14.391	-	14.391	4.906	500.000	-	-
4	38	9.485	-	949	8.537	1.534	22.692	-	22.692	13.207	500.000	-	-
5	39	9.485	-	474	9.011	1.632	31.980	-	31.980	22.495	500.000	-	-
6	40	9.485	-	285	9.201	1.736	42.013	-	42.013	34.899	500.000	-	-
7	41	9.485	-	285	9.201	1.841	52.639	-	52.639	47.897	500.000	-	-
8	42	9.485	-	285	9.201	1.949	63.897	-	63.897	61.526	500.000	-	-
9	43	9.485	-	285	9.201	2.060	75.828	-	75.828	75.828	500.000	-	-
10	44	9.485	-	285	9.201	2.170	88.480	4.743	93.222	93.222	504.743	4.743	-
11	45	9.485	-	285	9.201	2.252	104.518	2.489	107.007	107.007	502.489	-	-
12	46	9.485	-	285	9.201	2.316	121.679	11	121.689	121.689	500.011	-	-
13	47	9.485	-	285	9.201	2.374	137.339	-	137.339	137.339	500.000	-	-
14	48	9.485	-	285	9.201	2.431	154.025	-	154.025	154.025	500.000	-	-
15	49	9.485	-	285	9.201	2.479	171.830	4.743	176.572	176.572	504.743	4.743	-
16	50	9.485	-	285	9.201	2.506	193.702	2.225	195.927	195.927	502.225	-	-
17	51	9.485	-	285	9.201	2.512	216.630	-	216.630	216.630	500.000	-	-
18	52	9.485	-	285	9.201	2.511	238.784	-	238.784	238.784	500.000	-	-
19	53	9.485	-	285	9.201	2.494	262.506	-	262.506	262.506	500.000	-	-
20	54	9.485	-	285	9.201	2.441	287.942	4.743	292.685	292.685	504.743	4.743	-
21	55	9.485	-	285	9.201	2.342	317.943	2.394	320.336	320.336	502.394	-	-
22	56	9.485	-	285	9.201	2.131	350.043	100	350.143	350.143	500.100	-	-
23	57	9.485	-	285	9.201	1.845	382.332	-	382.332	382.332	500.000	-	-
24	58	9.485	-	285	9.201	1.482	417.150	-	417.150	417.150	500.000	-	-
25	59	9.485	-	285	9.201	1.006	454.899	4.743	459.642	459.642	504.743	4.743	-
26	60	9.485	-	285	9.201	387	496.587	4.420	501.007	501.007	504.420	-	-
27	61	9.485	-	285	9.201	5	541.192	4.474	545.667	545.667	545.667	-	-
28	62	9.485	-	285	9.201	-	588.920	4.539	593.459	593.459	593.459	-	-
29	63	9.485	-	285	9.201	-	639.989	4.607	644.597	644.597	644.597	-	-
30	64	9.485	-	285	9.201	-	694.633	9.423	704.056	704.056	704.056	4.743	-



Bên mua bảo hiểm:
Người được bảo hiểm:

NGUYỄN VĂN A
NGUYỄN VĂN A

Minh họa số:
Tư vấn viên:

470084002002304
PHẠM THỊ HIẾU

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.2 -VLR3
23/09/2016 09:42:24

B. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NĐBH chính	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm tích lũy thêm	Chi phí ban đầu	Phí bảo hiểm được phân bổ	GIÁ TRỊ MINH HỌA						Thưởng duy trì hợp đồng	Rút tiền ⁽³⁾
						Mức lãi suất dự kiến 7%/năm ⁽¹⁾							
						Chi phí bảo hiểm rủi ro	Tài khoản cơ bản ⁽²⁾	Tài khoản tích lũy thêm ⁽²⁾	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV		
31	65	9.485	-	285	9.201	-	753.102	9.834	762.936	762.936	762.936	-	-
32	66	9.485	-	285	9.201	-	815.663	10.273	825.937	825.937	825.937	-	-
33	67	9.485	-	285	9.201	-	882.604	10.743	893.348	893.348	893.348	-	-
34	68	9.485	-	285	9.201	-	954.231	11.246	965.478	965.478	965.478	-	-
35	69	9.485	-	285	9.201	-	1.030.872	16.527	1.047.399	1.047.399	1.047.399	4.743	-
36	70	9.485	-	285	9.201	-	1.112.877	17.435	1.130.312	1.130.312	1.130.312	-	-
37	71	9.485	-	285	9.201	-	1.200.623	18.407	1.219.030	1.219.030	1.219.030	-	-
38	72	9.485	-	285	9.201	-	1.294.511	19.446	1.313.957	1.313.957	1.313.957	-	-
39	73	9.485	-	285	9.201	-	1.394.972	20.558	1.415.530	1.415.530	1.415.530	-	-
40	74	9.485	-	285	9.201	-	1.502.464	26.491	1.528.955	1.528.955	1.528.955	4.743	-
Tổng/Cộng dồn		379.400	-	22.288	357.112	50.548			1.528.955	1.528.955		33.198	-

Ghi chú:

- (1) Mức lãi suất thực tế từ kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung được công bố có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức lãi suất minh họa.
 (2) Chi phí bảo hiểm rủi ro và Chi phí quản lý hợp đồng được khấu trừ theo thứ tự từ Tài khoản tích lũy thêm (nếu có) trước, sau đó đến Tài khoản cơ bản.
 (3) Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút tiền bất kỳ lúc nào từ Năm hợp đồng thứ 1 đối với Tài khoản tích lũy thêm và từ Năm hợp đồng thứ 3 đối với Tài khoản cơ bản. (Các) khoản rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng sẽ được thực hiện theo thứ tự từ Tài khoản tích lũy thêm (nếu có) trước, sau đó đến Tài khoản cơ bản.



C. THÔNG TIN VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO)

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
Dành cho Người được bảo hiểm chính: NGUYỄN VĂN A			
Phú-Toàn Gia Hưng Thịnh (Lựa chọn ưu tiên tiết kiệm)	Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Giá trị nào lớn hơn giữa 500.000.000 đồng và Giá trị tài khoản cơ bản cộng với Giá trị tài khoản tích lũy thêm	
	Được chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Nhận tạm ứng 50% Giá trị tài khoản hợp đồng nhưng không vượt quá 500.000.000 đồng trong vòng 6 tháng	



Ghi chú:

- Bảng minh họa quyền lợi sản phẩm này dựa trên giả định:
 - Phí bảo hiểm đóng theo định kỳ năm.
 - Phí bảo hiểm minh họa trên đây được đóng đầy đủ và không có giao dịch nào làm thay đổi Giá trị tài khoản hợp đồng.
 - (Các) Người được bảo hiểm có sức khỏe bình thường theo tiêu chuẩn của Prudential.
- Chi phí quản lý hợp đồng đã được khấu trừ khi minh họa Giá trị tài khoản hợp đồng.
- Để biết thêm chi tiết về quyền lợi của sản phẩm, vui lòng tham khảo Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm.

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN VIÊN	XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM
<ul style="list-style-type: none">• Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã phân tích nhu cầu tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của khách hàng có tên nêu trên một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng.• Tôi xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Bảng minh họa này cũng như nội dung của Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm.	<ul style="list-style-type: none">• Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã được Tư vấn viên có tên nêu trên phân tích về nhu cầu tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của tôi một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng. Tôi có khả năng tài chính để đóng phí bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm này.• Tôi xác nhận đã đọc kỹ và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Bảng minh họa này cũng như nội dung của Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm. Tôi đã hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của tôi khi tham gia sản phẩm bảo hiểm này.• Tôi hiểu Giá trị tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung, phí bảo hiểm thực đóng, các khoản thưởng duy trì hợp đồng và số tiền rút ra thực tế từ Giá trị tài khoản hợp đồng, nên Giá trị tài khoản hợp đồng có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Bảng minh họa này.• Tôi hiểu Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực nếu Phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ theo định kỳ trong vòng 5 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc Giá trị tài khoản hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 0.• Tôi đồng ý tham gia (các) sản phẩm bảo hiểm này với chi tiết được trình bày và cam kết sẽ thực hiện các nghĩa vụ của Hợp đồng bảo hiểm.
<p>Chữ ký: _____ Họ và tên: PHẠM THỊ HIẾU Mã số Tư vấn viên: 60000001 Ngày: ____/____/____</p>	<p>Chữ ký: _____ Họ và tên: NGUYỄN VĂN A Ngày: ____/____/____</p>

BẢNG MINH HỌA NÀY LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VÀ CHỈ CÓ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ KHI CÓ ĐẦY ĐỦ SỐ TRANG VÀ CHỮ KÝ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

